TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NHA TRANG** **TỈNH KHÁNH HÒA** Bản án số: 168/2023/HS-ST Ngày: 14/6/2023	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Bích Liễu**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Đào Thanh Tùng,**
Ông **Lưu Văn Có.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Võ Thu Thủy** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 197/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1980 tại Đồng N; Nơi cư trú: 119A Lý Nam Đ, phường Phước L, Nha T, tỉnh Khánh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1953 (đã chết), con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1953; Có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã của Cơ quan điều tra, hiện đang tạm giam từ ngày 15/3/2022 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền và nghĩa vụ liên quan*:

1. **Phan M**, sinh năm 1957

Địa chỉ: Thôn Phước Đ, xã Phước Đ, Nha T.

Vắng mặt.

2. **Nguyễn Thị Xuân T**, sinh năm 1978

Địa chỉ: 16D Lương Đắc B, phường Vĩnh H, Nha T.

Vắng mặt.

3. **Phan Quang T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Phước Đ, xã Phước Đ, Nha T.

Vắng mặt.

4. **Nguyễn Ngọc K**, sinh năm 1954

Địa chỉ: Thôn Phú T, xã Diên T, huyện Diên K, Khánh H.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 07 tháng 3 năm 2019, Nguyễn Thị Hồng L và Nguyễn Thị Xuân T được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 548, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: thôn Khánh Thành N, xã Suối C, huyện Cam L, tỉnh Khánh H. Nguyễn Thị Hồng L được cấp Giấy chứng nhận số CP 709096, số vào sổ cấp GCN: CS00248 ngày 07/3/2019, do ông Nguyễn Tấn Đ, Giám đốc chi nhánh văn phòng đăng lý đất đai huyện Cam L, thừa ủy quyền Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Khánh Hòa ký, đóng dấu của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Khánh Hòa. Sau đó, bà T đã photo màu khoảng 05 bản Giấy chứng nhận trên rồi đưa cho Nguyễn Thị Hồng L cất giữ.

Khoảng giữa tháng 8/2019, anh Phan Quang T được Nguyễn Thị Hồng L thuê san lấp mặt bằng, tiền công san lấp mặt bằng là 30.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi thực hiện công việc xong, L không có tiền để trả cho anh Thảo nên đề nghị anh T giới thiệu cho L để L vay tiền, thanh toán tiền công san lấp mặt bằng cho anh T. Nghe Nguyễn Thị Hồng L nói mình có 1 mảnh đất 5000 m^2 làm tin nên anh T đã giới thiệu ông Phan M cho L.

Đến ngày 24 tháng 8 năm 2019, Nguyễn Thị Hồng L đã sử dụng 01 bản photo màu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CP 709096, số vào sổ cấp GCN: CS00248 cấp ngày 07/3/2019 (cấp cho Nguyễn Thị Hồng L cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản gắn liền với đất với bà Nguyễn Thị Xuân T) để thế chấp cho ông Phan M vay số tiền 50.000.000 đồng. Nguyễn Thị Hồng L và ông Phan M có lập "giấy mượn tiền" với nội dung: Nguyễn Thị Hồng L mượn 50.000.000 đồng vào ngày 24/8/2019 và hứa sẽ trả trong vòng 02 tháng. Đồng thời, L có ghi vào "giấy mượn tiền" nội dung: có gửi lại sổ hồng 5.000 m^2, thửa đất số 548, tờ bản đồ số 1, số vào sổ cấp GCN CS00248.

Ngày 12/9/2019, L gặp ông Phan M và đề nghị ông M cho L vay thêm 50.000.000 đồng do giá trị mảnh đất mà L thế chấp cho ông M quá lớn. Ông M đồng ý đưa cho L 50.000.000 đồng, ông M viết giấy cho vay tiền với nội dung: Phan M cho Nguyễn Thị Hồng L vay 50.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 02 tháng.

Đến ngày L phải trả nợ, ông Phan M gọi điện thoại cho Nguyễn Thị Hồng L nhưng không được và ông Phan M không liên hệ được với L nên nghi ngờ giấy chứng nhận L đã đưa cho ông là giả, ông M đến văn phòng công chứng nhờ kiểm tra thì được báo đây là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Ông M đến Cơ quan điều tra trình báo sự việc như đã nêu trên.

Tại Kết luận giám định số 106/GĐTP/2021 ngày 28/01/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Khánh Hòa kết luận:

- Bản in "GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT" mang tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: bà "Nguyễn Thị Hồng L" (năm sinh 1980, CMND số: 225900200, địa chỉ thường trú: 119A Lý Nam Đ, phường Phước L, thành phố Nha T, tỉnh Khánh H); Cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản gắn liền với đất với bà Nguyễn Thị Xuân T, số CP 709096; đề ngày 07/3/2019 (tài liệu cần giám định - ký hiệu A) là **giả.**

- Chữ ký mang tên "Nguyễn Tấn Đạt" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với mẫu chữ ký mang tên "Nguyễn Tấn Đạt" trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M3 đến M10 **không phải do cùng một người ký ra.**

- Hình dấu tròn, màu đỏ có nội dung "CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM * TỈNH KHÁNH HÒA * SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với hình dấu tròn, màu đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh - ký hiệu M3 là **không phải do cùng một con dấu đóng ra.**

Tại Kết luận giám định số 262/GĐ-GT/2021 ngày 20/7/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Khánh Hòa kết luận: Chữ ký và chữ viết họ tên "Nguyễn Thị Hồng L" dưới mục "Người mượn", chữ ký dưới dòng chữ "GCN CS00248" của tài liệu cần giám định ký hiệu A1; chữ ký dưới mục "Ngày 12-9-2019" của tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết họ tên "Nguyễn Thị Hồng L" trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 là **do cùng một người ký, viết ra.**

Tại bản cáo trạng số 264/CT-VKSNT ngày 07/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đã truy tố Nguyễn Thị Hồng L về tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đã giữ nguyên kết luận truy tố bị cáo Nguyễn Thị Hồng L về tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù .

Bị cáo Nguyễn Thị Hồng L khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, vắng mặt một số người liên quan, xét thấy những người này đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt của những người này không trở ngại cho việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tại Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 110/2022/HSST-QĐ ngày 28/9/2022 và số 123/2022/HSST-QĐ ngày 06/12/2022, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang làm rõ hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Hồng L có dấu hiệu cấu thành thêm một tội khác là tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự . Tuy nhiên, tại công văn số 94/CV-VKSNT ngày 27/10/2022 và số 07/CV-VKS-NT ngày 04/01/2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang vẫn giữ nguyên kết luận truy tố theo nội dung bản Cáo trạng số 264 ngày 07/9/2022. Vì vậy, căn cứ theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự về giới hạn của việc xét xử Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đã truy tố.

[2] Về hành vi tố tụng của những người tiến hành tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Theo cáo trạng truy tố cho thấy, tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng truy tố phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ để xác định: Vào ngày 24/8/2021, trên địa bàn xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang, Nguyễn Thị Hồng L đã sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 709096, số vào sổ cấp GCN: CS00248 ngày 07/3/2019, do ông Nguyễn Tấn Đ, Giám đốc chi nhánh văn phòng đăng lý đất đai huyện Cam L, thừa ủy quyền Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Khánh Hòa ký, đóng dấu của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Khánh Hòa là **giả,** để thế chấp**,** vay tiền của ông Phan M.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả nhằm mục đích tạo niềm tin và lừa dối ông Phan M để được ông M tin tưởng cho vay số tiền hai lần tổng cộng là 100.000.000 đồng, hành vi của bị cáo nhằm thực hiện một hành vi khác trái pháp luật. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của cơ quan nhà nước, xâm phạm đến lợi ích của nhà nước.

Xét về mặt chủ quan của tội phạm thì bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Bị cáo nhận thức được việc sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đi vay tiền của ông Phan M là trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Ngoài ra, quá trình điều tra bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã gây khó khăn cho hoạt động điều tra của các cơ quan tiến hành tố tụng nên hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm khắc.

Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên bị cáo ở mức vừa phải của khung hình phạt cũng đảm bảo mục đích của hình phạt, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật và đủ tác dụng phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với hành vi photo màu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 709096, số vào sổ cấp GCN: CS00248 ngày 07/3/2019 của bà Nguyễn Thị Xuân T, bà T không có mục đích sử dụng để thực hiện hành vi trái pháp luật nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền cấp trên xem xét và xử lý hành vi của Nguyễn Thị Hồng L có dấu hiệu cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Điều 174 Bộ luật hình sự khi có đủ cơ sở.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên cần tách ra giải quyết riêng khi có đơn yêu cầu.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Hồng L.

[2] Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Hồng L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", thời hạn tù được tính từ ngày 15/3/2022.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên cần tách ra giải quyết riêng khi có đơn yêu cầu.

[4] Về án phí:Áp dụng Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**** Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Khánh H;
- VKSND tỉnh Khánh H;
- VKSND TP. Nha T;
- Chi Cục THADS TP. Nha T;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Công an TP. Nha T;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh H;
- Lưu án văn, hs.

Bùi Thị Bích Liễu